

Bản án số: **37 /2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 - 11 – 2017

“V/v Tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa chị H và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

2. Ông Lê Đình Cự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Ngọc Tùng, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1988

ĐKHKTT: Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H vắng mặt, ngày 24/11/2017 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nhâm Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nhâm Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận kết hôn số: 46; Quyền số: 01, sau khi kết hôn

vợ chồng về chung sống với gia đình anh C, tại thôn L, xã H, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh C đi vào con đường nghiện chất ma túy, chị H đã khuyên bảo anh C nhiều lần, đến năm 2014 chị H cùng với gia đình anh C đã tổ chức cai nghiện ma túy cho anh C 04 lần, nhưng anh C không từ bỏ được ma túy, cho nên trong cuộc sống vợ, chồng hay xảy ra xô xát, anh C không thương yêu, quý trọng, chăm sóc chị H và con, đến tháng 7/2017 chị H đã bế theo con chung của vợ, chồng bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị, ở Thôn N, xã M, huyện V sống ly thân với anh C từ đó cho đến nay, anh C có sang nhà bố, mẹ đẻ chị H gặp chị H tìm chị về nhưng chị kiên quyết không quay về sống chung cùng anh C.

Nay chị H xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh C không còn, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về quan hệ nuôi con chung chị Lê Thị H trình bày: Vợ chồng có 01 con chung, họ và tên con là Nhâm Ngọc E, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011, hiện nay con chung đang sống cùng với chị H, ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung Nhâm Ngọc E, chị H không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị H đang làm tại Công ty TNHH TĐ, địa chỉ: Khu công nghiệp, phường P, Thành phố T, thu nhập từ lương của chị khoảng 10 triệu đồng một tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nhâm Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt và không viết bản tự khai ghi ý kiến của anh C đối với yêu cầu của chị H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng trình tự quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lê Thị H và anh Nhâm Văn C được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Nguyên đơn chị Lê Thị H tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2017 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị H. Bị đơn anh Nhâm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt theo giấy triệu tập, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/11/2017 bị đơn anh Nhâm Văn C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2017 bị đơn anh Nhâm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nhâm Văn C.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, Chị Lê Thị H và anh Nhâm Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình vợ, chồng không hợp, anh C là người nghiện ma túy, dẫn tới vợ, chồng không thương yêu, quý trọng nhau, vợ, chồng hay xảy ra xô xát, người thân đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay không có quan hệ gì với nhau, chị H và anh C người nào chỉ biết bốn phần của người đó, bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin được ly hôn với anh C. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về quan hệ nuôi con chung, Chị Lê Thị H và anh Nhâm Văn C, vợ, chồng có 01 con chung, họ và tên con là Nhâm Ngọc E, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011, hiện nay con chung của chị H và anh C đang sống cùng chị H, nếu ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi con chung Nhâm Ngọc E, về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con, chị H hiện làm tại Công ty TNHH TĐ; địa chỉ: Khu công nghiệp, phường P, Thành phố T, thu nhập hàng tháng là 10 triệu đồng. Xét về điều kiện nuôi con

của chị H là đủ điều kiện, nếu chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nhâm Ngọc E thì sẽ đảm bảo tốt nhất cho quyền lợi của con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn chị Lê Thị H. Về quan hệ tài sản, chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nhâm Văn C.

2. Về quan hệ nuôi con con chung: Xử giao con chung Nhâm Ngọc E, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2011 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Nhâm Văn C đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu, Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007402 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí, chị Lê Thị H không phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Nhâm Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng
- UBND xã H
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Lưu Hồ sơ vụ án và Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Xuân Bằng